Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8435.90.10

Mã HS	8435.90.10
Mô tả hàng hóa	Máy ép, máy nghiền và các loại máy tương tự dùng trong sản xuất rượu vang, rượu táo, nước trái cây hoặc các loại đồ uống tương tự / - Bộ phận: / - - Của máy hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 20:15:35
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84359010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13768
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13768
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13768
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13075
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13016
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13016
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13016
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13016
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13016
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13016
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13070
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13070

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13070
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13070
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13070
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13070
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13071
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13071
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13071
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13071
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13071
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13071
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13074
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13022
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13030
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13030
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13030
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13030
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13030
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13030
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13061
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13061
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13061
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13061
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13061
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13061
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13110
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13110

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13110
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13110
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13110
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13110
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13093
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13093
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13093
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13093
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13093
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13093
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13093
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13093
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13093
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13093
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13093
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13093
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13108
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13108
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13108
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13108
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13108
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13108
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13107
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13107
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13107
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13107

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13107
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13107
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13087
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13087
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13087
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13087
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13087
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13087
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13087
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13095
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13095
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13095
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13095
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13095
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13095
RCEP B	2022	2022	0	B!D13095
RCEP B	2023	2023	0	B!E13095
RCEP B	2024	2024	0	B!F13095
RCEP B	2025	2025	0	B!G13095
RCEP B	2026	2026	0	B!H13095
RCEP B	2027	2027	0	B!I13095
RCEP C	2022	2022	0	C!D13095
RCEP C	2023	2023	0	C!E13095
RCEP C	2024	2024	0	C!F13095
RCEP C	2025	2025	0	C!G13095
RCEP C	2026	2026	0	C!H13095

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13095
RCEP D	2022	2022	0	D!D13094
RCEP D	2023	2023	0	D!E13094
RCEP D	2024	2024	0	D!F13094
RCEP D	2025	2025	0	D!G13094
RCEP D	2026	2026	0	D!H13094
RCEP D	2027	2027	0	D!I13094
RCEP E	2022	2022	0	E!D13098
RCEP E	2023	2023	0	E!E13098
RCEP E	2024	2024	0	E!F13098
RCEP E	2025	2025	0	E!G13098
RCEP E	2026	2026	0	E!H13098
RCEP E	2027	2027	0	E!I13098
RCEP F	2022	2022	0	F!D13095
RCEP F	2023	2023	0	F!E13095
RCEP F	2024	2024	0	F!F13095
RCEP F	2025	2025	0	F!G13095
RCEP F	2026	2026	0	F!H13095
RCEP F	2027	2027	0	F!I13095
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12146
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12146
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12146
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12146

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8435.90 có 2 dòng thuế; dòng 8435.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của máy hoạt động bằng điện.	8435.90.20 Của máy không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8435.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8435.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13768), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.